

Số: **445** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **16** tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm công, nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong quá trình hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xây dựng Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm công, nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Công văn số 4441/SCT-TM ngày 29/12/2016 về việc đề nghị phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm công, nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong quá trình hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quyết định này kèm theo Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm công, nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong quá trình hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC).

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện đề án theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, KT, TH.

(Khoa. Cnn/12. QDpheduyetdeancanhtranhAEC)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



*** Võ Văn Chánh**

ĐỀ ÁN
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CÁC SẢN PHẨM
CÔNG, NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRONG QUÁ TRÌNH HỘI
NHẬP CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC)

I. SỰ CẦN THIẾT:

Cơ hội mở ra cho thấy khi AEC đi vào hoạt động sẽ tạo ra một thị trường đơn nhất, khai thác được tối đa các ưu đãi thương mại tự do (FTA) mang lại, thuế suất lưu thông hàng hóa giữa các nước trong khu vực sẽ được cắt giảm dần về 0%. Tuy nhiên, những yêu cầu ngày càng cao đối với hàng xuất khẩu sẽ là thách thức không nhỏ với các doanh nghiệp Việt Nam nhất là trong bối cảnh các biện pháp về phòng vệ thương mại đang có xu hướng gia tăng vì thế các doanh nghiệp Việt Nam không được phép chủ quan mà phải hiểu rõ để nắm bắt lấy cơ hội. Song song đó, trong điều kiện các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước hầu hết yếu thế về năng lực tài chính, kinh nghiệm quản lý, điều hành, tay nghề của người lao động...thì đây sẽ là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

Cùng với thực trạng chung của cả nước, tỉnh Đồng Nai với hơn 90% số lượng doanh nghiệp trên địa bàn là doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, trong lĩnh vực nông nghiệp hầu hết các cơ sở nuôi, trồng phổ biến ở quy mô nhỏ, tuy nhiên, các doanh nghiệp, cơ sở này đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chính vì vai trò quan trọng đối với nền kinh tế cho nên trong thời gian vừa qua, đối tượng này đã được Đảng và Nhà nước khuyến khích phát triển mạnh mẽ bằng nhiều chủ trương, chính sách, cùng với sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương các cấp, các ngành. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, sự phát triển này chưa thực sự bền vững bởi những khó khăn, hạn chế mang tính đặc trưng và lâu dài. Do đó, đánh giá đúng năng lực cạnh tranh của các sản phẩm

công, nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm đề ra các giải pháp giúp các đối tượng phát triển ổn định cùng các chính sách hỗ trợ từ phía nhà nước cho đối tượng này để nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực kinh tế thế giới nói chung, khu vực ASEAN nói riêng hết sức cấp bách và cần thiết.

II. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN:

Đề án tập trung nghiên cứu những sản phẩm công, nông nghiệp chủ yếu của các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa có 100% vốn đầu tư trong nước, các trang trại nuôi, trồng sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh mà theo lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu để thực hiện Cộng đồng Kinh tế ASEAN phải thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu từ năm 2015, đối với những sản phẩm đã thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình CEPT (từ năm 1996) sẽ không đánh giá.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN:

1. Lộ trình cắt giảm thuế quan thực hiện AEC đối với những sản phẩm công, nông nghiệp chủ yếu của Đồng Nai:

1.1. Giai đoạn 1 (2008 – 2011): Việt Nam đã ban hành Quyết định số 36/2008/QĐ-BTC ngày 12/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CEPT/AFTA giai đoạn 2008-2013 và Quyết định số 73/2008/TT-BTC ngày 05/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi Quyết định số 36/2008/BTC ngày 12/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Biểu thuế giai đoạn này cơ bản các dòng thuế đã về thuế suất 10%.

1.2. Giai đoạn 2 (2012 – 2014): Năm 2011 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 161/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 về việc ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2012 – 2014.

Biểu thuế giai đoạn 2012 – 2014 cơ bản các dòng thuế đã về thuế suất 0% còn một số mặt hàng có thuế suất 10%, còn đa số các mặt hàng còn lại có thuế suất là 5%.

1.3. Giai đoạn 3 (2015 – 2018): Năm 2016 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 129/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 về biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016 – 2018.

Biểu thuế giai đoạn 2016 – 2018, 90% các dòng thuế đã về thuế suất 0%, còn khoảng gần 700 mặt hàng có thuế suất 5% đối với sản phẩm nông nghiệp là chính. Riêng mặt hàng xe hơi và phụ tùng còn ở mức thuế suất từ 30-60%.

2. Khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công, nông nghiệp, dịch vụ chủ yếu:

2.1. Năng lực cạnh tranh sản phẩm là gì?

Đây là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp, là một trong những tiêu chí để đánh giá năng lực cạnh tranh doanh nghiệp. Năng lực cạnh tranh của sản phẩm dựa trên các yếu tố cơ bản như: (1) chất lượng cao: là một chỉ tiêu tổng hợp gồm các nhóm chỉ tiêu thành phần: các chỉ tiêu kinh tế, các chỉ tiêu kỹ thuật, các chỉ tiêu về thẩm mỹ, tiện dụng...; (2) giá cả hợp lý: chỉ tiêu này thường được xác định trên cơ sở so sánh giá của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương. Nếu có sự khác biệt về chất lượng thì giá cả được đặt trong sự so sánh với lợi ích do hàng hóa mang lại, độ bền, thẩm mỹ...; (3) mẫu mã hợp thời; (4) đáp ứng nhu cầu khách hàng: chỉ tiêu thể hiện việc cung cấp cho khách hàng đúng hàng hóa, đúng thời điểm với mức giá hợp lý. Nó là một chỉ tiêu định tính phản ánh khả năng kinh doanh, uy tín doanh nghiệp; (5) dịch vụ đi kèm: bao gồm việc hướng dẫn sử dụng, các dịch vụ hậu mãi (bảo trì, bảo hành...)

Do đó khi đánh giá năng lực cạnh tranh của sản phẩm người ta thường dựa vào các yếu tố trên.

2.2. Năng lực cạnh tranh của một số sản phẩm công, nông nghiệp chủ yếu:

2.2.1- Nhóm sản phẩm nông nghiệp:

a) Sản phẩm chăn nuôi:

- Thực trạng ngành chăn nuôi: Thực trạng chung của ngành chăn nuôi Việt Nam hiện nay đang khá phụ thuộc về những vật tư đầu vào như con giống, thức ăn, thuốc thú y nên chi phí đầu tư cho sản xuất thường cao. Theo tính toán, để sản xuất ra 1kg lợn hơi hiện nay chi phí lên tới 42.000 đồng, 1 kg gà lông trắng khoảng 28.000 đồng, gà lông màu 38-40.000đ. Đó là trong trường hợp tự chủ cơ bản được thức ăn chăn nuôi và sản xuất theo quy mô lớn, còn đối với việc phụ thuộc vào nguồn thức ăn bên ngoài và chăn nuôi nhỏ lẻ thì giá thành còn cao hơn nhiều. Không chỉ chi phí sản xuất cao hơn, một trong những điểm yếu cố hữu của ngành chăn nuôi là năng suất thấp. Bên cạnh đó, chăn nuôi gia súc, gia cầm ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề đáng lo ngại như việc hướng dẫn và quản lý sử dụng thuốc kháng sinh còn lỏng lẻo và tình trạng sử dụng các chất bổ trợ trong thức ăn chăn nuôi khá tùy tiện... Về thị trường đầu ra đối với các sản phẩm của ngành chăn nuôi: Theo điều tra của Liên minh Nông nghiệp, hiện nay hệ thống chăn nuôi quy mô nhỏ, mức độ vệ sinh an toàn thực phẩm thấp đang cung cấp ra thị trường gần 70% sản phẩm thịt. Trong khi đó, chăn nuôi thương mại quy mô lớn, công nghệ hiện đại, an toàn thực phẩm cao chỉ mới cung cấp trên 15% lượng thịt cho tiêu dùng. Công nghệ chế biến bảo quản thịt sau giết mổ còn hạn chế, các phương tiện vận chuyển thịt sau giết mổ và các quầy bán thịt, sản phẩm chăn nuôi tại chợ đa số chưa đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm. Đồng Nai cũng không ngoài thực trạng trên, cụ thể:

+ Những trang trại chăn nuôi lớn đang được các doanh nghiệp nước ngoài sở hữu hoặc các tổ chức, cá nhân trong nước xây dựng trang trại cho các doanh nghiệp chăn nuôi chuyên nghiệp thuê (Công ty An co, Japfa, CP Thái lan, ...). Quy mô sản xuất của các doanh nghiệp trong nước còn nhỏ chưa chuyên nghiệp và đầu tư chiều sâu nên khó cạnh tranh doanh nghiệp nước ngoài.

+ Thức ăn chăn nuôi giá thành cao còn do nguyên liệu chủ yếu là nhập khẩu, mặt khác chuỗi cung ứng thức chăn nuôi trong nước qua nhiều tầng trung gian làm cho giá thành tăng cao.

+ Bước vào hội nhập sâu, ngành chăn nuôi trong nước còn phải chịu cạnh tranh mạnh mẽ từ nhiều quốc gia khác có nhiều lợi thế hơn về kỹ thuật chăn nuôi,

năng suất lao động, cộng với giá thức ăn chăn nuôi rẻ hơn và mức lãi suất tín dụng ưu đãi phát triển ngành cũng thấp hơn.

+ Chưa chủ động được nguồn giống tốt, còn phụ thuộc vào các doanh nghiệp nước ngoài.

- Về nhập khẩu: hiện nay, nước ta đang phải nhập khẩu khoảng 2,5% sản lượng thịt, còn lại tự túc 97,5%. Trong đó, nhập khẩu chủ yếu là 2 nhóm sản phẩm: Phụ phẩm của gà (chân, cánh, đùi) do giá rất rẻ so với sản xuất trong nước chỉ 0,85 USD/kg và thịt bò do sản lượng trong nước chưa đáp ứng nhu cầu.

Từ thực trạng trên, có thể đánh giá năng lực cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi trong nước nói chung, Đồng Nai nói riêng còn thấp so với một số nước như Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc....

- Đánh giá tác động của hội nhập kinh tế đối với ngành chăn nuôi:

Tác động trực tiếp và gay gắt nhất chính là việc giảm các dòng thuế theo lộ trình đã cam kết, ngành chăn nuôi của Việt Nam sẽ gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của nhà cung cấp nước ngoài khi thuế nhập khẩu và các biện pháp phi thuế quan được cắt giảm và dỡ bỏ. Điều này sẽ tạo cơ hội ngày càng tăng đối với việc nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi vào nước ta do có lợi thế về giá, về an toàn thực phẩm, trực tiếp cản trở sản xuất chăn nuôi trong nước, dễ tạo tình trạng cạnh tranh không cân sức và người thiệt thòi vẫn luôn là chăn nuôi trong nước.

Tác động của hội nhập có thể thu hút nguồn nhân lực có chất lượng của ngành chăn nuôi (cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân có trình độ, kinh nghiệm) sang làm việc tại các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài về chăn nuôi tại Việt Nam và làm việc tại các nước đối tác. Đây cũng là một bất lợi cho ngành chăn nuôi trong quá trình hội nhập.

Thực trạng ngành chăn nuôi cho thấy những bất lợi cho ngành khi Việt Nam gia nhập TPP là rất lớn, điều này dẫn đến một số ý kiến cho rằng Việt Nam hi sinh ngành chăn nuôi để gia nhập TPP. Thực chất, ngoài những tác động bất lợi, thì hội nhập kinh tế cũng tạo cơ hội cho ngành chăn nuôi khi được tiếp cận với công nghệ mới, giống mới, sản phẩm mới, phương thức tổ chức sản xuất và

quản lý tiên tiến. Đầu vào của ngành chăn nuôi như con giống, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, trang thiết bị, thuốc thú y... sẽ giảm do bỏ hàng rào thuế quan. Hội nhập kinh tế cũng tạo áp lực buộc ngành chăn nuôi phải đẩy mạnh tái cơ cấu và thay đổi cách làm để có khả năng tham gia hội nhập và phát triển bền vững. Đây là tác động có lợi mà chúng ta phải tận dụng tối đa.

Cụ thể trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN:

- *Đối với nhóm hàng thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia súc:* đây là nhóm hàng thực hiện cắt giảm thuế về 0% ngay từ đầu năm 2015. Với thuế suất 0% từ năm 2015, trước mắt, các mặt hàng trên vẫn kém khả năng cạnh tranh hơn so với thịt lợn trong nước sản xuất do người dân chưa có thói quen tiêu dùng sản phẩm gia súc lạnh; đối với các phụ phẩm ăn được hiện nay người dân cũng đã hạn chế tiêu dùng, bên cạnh đó, Đồng Nai có những yếu tố thuận lợi về khí hậu, đất đai, thời tiết.... để phát triển chăn nuôi. Tuy nhiên, đây chỉ là thuận lợi bước đầu, về lâu dài khi người dân chuyển sang sử dụng thịt tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh do giá thành rẻ, tiện lợi trong chế biến, bảo quản được lâu ... thì chăn nuôi gà hay lợn trong nước sẽ bị yếu thế so với hàng hóa nhập khẩu từ ASEAN.

- *Đối với nhóm hàng gia cầm (gà, vịt, ngan):*

Theo một doanh nghiệp chăn nuôi gia cầm lớn trên địa bàn tỉnh, sản phẩm gia cầm (chủ yếu là gà) cạnh tranh với các nước trong khu vực ASEAN tập trung ở già lông trắng, so với các nước giá thành gà lông trắng ở Đồng Nai cao hơn khoảng 10% (giá hiện nay: Đồng Nai: 28 ngàn đồng/kg; khu vực: 24 - 24,5 ngàn đồng/kg). Tương tự như mặt hàng thịt lợn, do người dân Việt Nam chưa có thói quen sử dụng sản phẩm thịt lạnh, bên cạnh đó còn do đặc điểm của thịt gà công nghiệp, chỉ có thể sử dụng chế biến thức ăn nhanh, sử dụng trong các bếp ăn tập thể, do đó, mặc dù nhóm hàng này đã thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu về 0% từ năm 2012, tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, việc cắt giảm thuế tác động không đáng kể, hoạt động chăn nuôi, kinh doanh gia cầm trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định, sản lượng gia cầm tăng qua từng năm. Với sản phẩm gà lông màu, giá của Đồng Nai cao hơn giá khu vực khoảng 2 cent/kg ~ 440 đồng/kg, với mức

chênh lệch giá này, sản phẩm gà lông màu của các nước trong khu vực Đồng Nai sẽ kém cạnh tranh hơn do chưa tính chi phí vận chuyển, bảo hiểm...

b) Sản phẩm trồng trọt:

- Thực trạng ngành trồng trọt:

Trồng trọt là một ngành sản xuất vật chất hết sức quan trọng của nền kinh tế nói chung và của kinh tế nông nghiệp nói riêng. Ở nước ta hàng năm ngành trồng trọt chiếm tới 75% giá trị sản lượng nông nghiệp. Sự phát triển của ngành trồng trọt có ý nghĩa kinh tế rất to lớn.

Ở Đồng Nai, giá trị sản xuất ngành trồng trọt chiếm khoảng 55% giá trị sản lượng nông nghiệp (tính theo giá hiện hành năm 2014), trong đó, giá trị sản xuất cây hàng năm (lương thực có hạt, rau, đậu, mía, thuốc lá, thuốc Lào, đậu các loại...) chiếm 35,5%, giá trị sản xuất cây lâu năm (điều, hồ tiêu, cao su, cà phê...) chiếm 64,45%. Hiện tại, trồng trọt là lĩnh vực sản xuất chính trong nông nghiệp tỉnh Đồng Nai (chiếm 53,45% GTSX ngành nông nghiệp), tạo ra nguồn thu nhập chính cho trên 60% số hộ nông nghiệp, sử dụng nhiều tài nguyên đất, nước và lao động, v.v... đồng thời, còn góp phần đảm bảo độ che phủ, cân bằng sinh thái. Tuy nhiên, một số loại cây trồng chủ lực phát triển còn mang tính tự phát, đầu tư dàn trải, chất lượng thấp, sức cạnh tranh của sản phẩm không cao.

- Đánh giá tác động của hội nhập kinh tế đối với ngành trồng trọt:

Bên cạnh những cơ hội, ngành nông nghiệp nước ta nói chung và ngành trồng trọt nói riêng đang đối mặt với nhiều hạn chế, thách thức trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trong ngành trồng trọt, hạn chế lớn nhất là chưa có những giống cây trồng có đẳng cấp khu vực và quốc tế, phần lớn các loại giống cây trồng còn phải nhập từ nước ngoài; kỹ thuật sản xuất chưa cao, nên chưa tạo ra giá trị gia tăng cao trong ngành trồng trọt; khâu bảo quản sau thu hoạch và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập; với sự cắt giảm rào cản thuế quan, gỡ bỏ rào cản kỹ thuật và hành chính đã tạo ra tăng trưởng sức ép cạnh tranh giữa hàng hóa nhập khẩu và sản xuất trong nước. Thực tế thời gian qua, ngành trồng trọt cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đã tham

gia nhiều hiệp định tự do hóa thương mại. Xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản chủ lực như cà phê, lúa, gạo, cao su... liên tục giảm mạnh cả về giá và sản lượng; nhiều vùng nguyên liệu cây công nghiệp hết chu kỳ khai thác, năng suất chất lượng giảm mạnh; việc xây dựng và triển khai các hình thức sản xuất theo GAP, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực trồng trọt vẫn còn nhiều nhứt nhối; năng suất, chất lượng của nhiều mặt hàng nông sản nói chung còn thấp, giá thành sản xuất cao, khả năng cạnh tranh thấp; thất thoát sau thu hoạch vẫn còn cao, chế biến sâu nhiều hạn chế...

Trong khuôn khổ Cộng đồng kinh tế ASEAN, tác động cụ thể đối với từng mặt hàng như sau:

- *Mặt hàng hạt điều* (đã bóc, chưa bóc vỏ)

+ Về năng lực cạnh tranh: sản lượng chế biến và xuất khẩu (XK) nhân điều Việt Nam đứng đầu thế giới, sau Ấn Độ và Braxin. Trong khu vực các nước ASEAN, sản xuất hạt điều nhiều nhất có thể kể đến Việt Nam và Indonesia, tuy nhiên, mùa vụ thu hoạch giữa 02 nước không trùng nhau Việt Nam từ tháng 3 đến tháng 6; Indonesia từ tháng 01 đến tháng 02), do đó mức độ cạnh tranh không là vấn đề gay gắt giữa Việt Nam với các nước ASEAN nói chung, Indonesia nói riêng. Hiện diện tích trồng điều của Việt Nam liên tục giảm, nguyên liệu điều thô trong nước hiện chỉ đáp ứng 1/3 nhu cầu chế biến của các nhà máy. Tương tự, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, diện tích trồng điều giảm liên tục từ 50.366 ha năm 2010 xuống còn 39.751 ha năm 2015, năng suất dao động trong khoảng 10,1 - 12 tạ/ha. Sản lượng hạt điều thô hiện nay trên địa bàn tỉnh khoảng 47.860 tấn không đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất trên địa bàn, các doanh nghiệp phải nhập khẩu hạt điều thô từ nước ngoài, chủ yếu các nước Châu Phi, với các nước ASEAN, lượng nhập khẩu chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, không đáng kể và nhập từ các nước Indonesia, Campuchia. Mặt hàng hạt điều nhập về, các doanh nghiệp đưa vào chế biến để xuất khẩu, thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Anh, Canada..., tiêu dùng trong nước đối với sản phẩm này không đáng kể, tiêu thụ mạnh chủ yếu vào dịp tết để chế biến kẹo, rang dùng ngay.

- Tác động của AEC: Với thuế suất 0% từ đầu năm 2015, chi phí đầu vào đối với hạt điều thô nhập khẩu từ ASEAN giảm, giúp cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, tuy nhiên sẽ là thách thức đối với nông dân trồng điều vì một số doanh nghiệp sẽ tăng cường nhập khẩu nguyên liệu thông qua các nước trong khu vực để hưởng thuế suất 0%. Trong năm 2015 các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã nhập khoảng 70 ngàn tấn hạt điều làm nguyên liệu chế biến xuất khẩu, trong đó nhập từ các nước ASEAN chỉ chiếm khoảng 5,8%. So với sản lượng hạt điều của tỉnh, thì sản lượng nhập khẩu gần gấp rưỡi.

- Mặt hàng chuối:

+ Về năng lực cạnh tranh: Ở nước ta, khí hậu bốn mùa đều phù hợp cho chuối phát triển, từ Bắc đến Nam, đồng bằng cũng như miền núi, ở đâu và mùa nào cũng có chuối. Chuối đối với người Việt Nam là rau, là quả, là lương thực, thực phẩm. Sản lượng chuối ở ta hàng năm cũng khá, ngoài việc tiêu thụ nội địa, chúng ta còn xuất khẩu một lượng khá lớn. Tuy vậy, so với nhiều nước xuất khẩu chuối thì năng suất trồng chuối nước ta còn thấp. Trong khu vực ASEAN, 04 nước trồng chuối nhiều nhất là Indonesia, Philippines, Thái Lan, Việt Nam, trong đó Philippines và Indonesia trồng chuối nhiều nhất, cùng đứng thứ tư trên thế giới với sản lượng chiếm khoảng 8%, sau Ấn Độ, Braxin và Ecuador. So với các nước, năng suất chuối của Việt Nam thấp nhất, trong đó, năng suất bình quân của Việt Nam khoảng 12 tấn/ha, của 03 nước còn lại trên 13 tấn/ha. Hiện chuối của Việt Nam đang phải cạnh tranh với chuối của Philippines, chuối Philippines có hình thức đẹp, các trái đồng đều, không bị trầy, không có vết thâm bên ngoài vỏ trái nên hàng bán rất chạy. Chuối VN dù không đẹp bằng hàng nhập khẩu nhưng lại có ưu điểm là đa dạng, phong phú về chủng loại.

Theo các tiểu thương kinh doanh mặt hàng trái cây, VN có nhiều vùng trồng chuối, lượng chuối về chợ đầu mối hàng ngày khá lớn, nhưng do khâu bảo quản, vận chuyển không tốt gây ra nhiều va đập, trầy xước nên hầu hết đều bị thâm đen. Hàng về chợ đầu mối được đóng trong các sọt tre. Thậm chí nhiều lô hàng còn để nguyên cả buồng, chưa cắt thành từng nải khiến việc vận chuyển càng khó khăn, trái chuối càng xấu, vỏ xin màu, không hấp dẫn. Trong khi đó

chuối nhập được chọn lọc kỹ, đóng gói trong thùng giấy, giữa các nải chuối còn lót lớp giấy mềm, chống va đập, do đó giá chuối nhập khẩu bán ở thị trường trong nước dù cao hơn nhưng vẫn được tiêu thụ rất mạnh.

+ Tác động của AEC: Tại Đồng Nai, cây chuối rất dễ trồng, dễ chăm sóc, và cho thu hoạch quanh năm đem lại hiệu quả kinh tế cao. Thêm nữa, ưu điểm của loại cây này là cho ra trái đồng loạt và phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu ở nhiều vùng trên địa bàn tỉnh. Diện tích trồng cây chuối của tỉnh hiện là 7.130 ha (diện tích trồng mới trong năm 2015 là 146 ha), trong đó diện tích cho sản phẩm là 6.864 ha và sản lượng thu hoạch trái 97.723 tấn (năng suất trung bình 137 tạ/ha). Thị trường tiêu thụ sản phẩm chuối trái chủ yếu là thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận. Với thuế suất nhập khẩu về 0% từ năm 2015, trong thời gian tới, nếu khâu bảo quản, vận chuyển...được xử lý tốt, chuối của Việt Nam nói chung, Đồng Nai nói riêng sẽ cạnh tranh tốt với chuối của các nước trong khu vực do sự đa dạng, phong phú về chủng loại cũng như chất lượng không thua kém.

- Mặt hàng chôm chôm

+ Về năng lực cạnh tranh: Chôm chôm là loại quả được trồng nhiều ở Thái Lan và Việt Nam, với sản lượng hàng năm khoảng 875 ngàn tấn, trong đó Thái Lan 517 ngàn tấn và Việt Nam 358 ngàn tấn.

Chôm chôm là cây ăn quả được trồng phổ biến tại Đồng Nai với 3 loại giống phổ biến là giống truyền thống, giống Thái và Java (Indonesia), ngoài ra còn có giống chôm chôm nhãn, chôm chôm trái rập. Chôm chôm Thái và Java có mẫu mã đẹp được các thị trường nước ngoài ưa chuộng, năng suất cao cây trồng có tuổi thọ cao. Đây là những ưu điểm nổi bật nên các nhà vườn Việt Nam phải nhập giống về trồng, do đó, trước mắt sản phẩm chôm chôm của Đồng Nai khó cạnh tranh với Thái Lan và Indonesia. Bên cạnh đó, năng suất và chất lượng chôm chôm hiện nhưng không ổn định. Thương hiệu chôm chôm vẫn chưa đủ mạnh nên khả năng cạnh tranh của quả chôm chôm Đồng Nai khi xuất khẩu và ngay cả trên thị trường trong nước vẫn chưa cao.

+ Tác động của AEC: Diện tích trồng cây chôm chôm của tỉnh hiện là 11.118 ha (giảm 78 ha so với năm 2014), trong đó diện tích cho sản phẩm là 10.460 ha và sản lượng thu hoạch trái 151.452 tấn (năng suất trung bình 144,8 tạ/ha). Thị trường tiêu thụ sản phẩm trái chôm chôm chủ yếu là thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Trung và phía Bắc. Việc giảm thuế nhập khẩu về 0% càng làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm chôm chôm và việc tiêu thụ sẽ tiếp tục khó khăn. Hiện nay thị trường Hoa Kỳ cũng là thị trường tiêu thụ chôm chôm nhưng Việt Nam chưa xuất khẩu vào thị trường này được do cước phí vận chuyển cao, mặt khác thị trường Mỹ còn có chôm chôm của Columbia giá rẻ do giá vận chuyển thấp (sát biên giới với Hoa Kỳ).

- Xoài trái

+ Về năng lực cạnh tranh: Trong khu vực ASEAN, xoài được trồng nhiều ở các nước Philippines, Việt Nam, Thái Lan và Indonesia, trong đó Thái Lan là quốc gia có sản lượng lớn nhất với trên 2 triệu tấn/năm, tiếp theo là Indonesia trên 1,4 triệu tấn/năm, còn lại Philippines khoảng 1 triệu tấn/năm, Việt Nam khoảng trên 300 ngàn tấn/năm. Trong các quốc gia trên, giống xoài Thái Lan với đặc điểm khi ăn sống hoặc chín xoài đều có vị ngọt, phẩm chất ngon, do đó Việt Nam đã nhập giống trên về trồng bên cạnh các giống khác như xoài Cát Hòa Lộc, xoài Thơm, xoài tứ quý.... Mỗi giống xoài có quy cách, chất lượng khác nhau và sở thích của người tiêu dùng cũng khác nhau, tuy nhiên, với giống xoài Thái Lan các nhà vườn Việt Nam phải nhập giống về trồng, do đó, trước mắt trái xoài Thái Lan trồng ở trong nước khó cạnh tranh với Thái Lan nhập khẩu.

+ Tác động của AEC: Diện tích trồng cây xoài của tỉnh hiện là 11.465 ha (diện tích trồng mới trong năm 2015 là 297 ha), trong đó diện tích cho sản phẩm là 9.476 ha và sản lượng thu hoạch trái 90.839 tấn (năng suất trung bình 95,8 tạ/ha).

Diện tích trồng cây xoài và sản lượng thu hoạch trái xoài trên địa bàn tỉnh tương đối lớn, tuy nhiên sản phẩm trái xoài chất lượng không đồng đều, nhiều giống trồng (trong đó có cả giống xoài của Thái Lan) nên thu hoạch nhiều chủng loại xoài khác nhau, vùng trồng không tập trung và đầu tư chưa đúng quy trình,

đặc biệt sử dụng thuốc bảo vệ thực vật còn tùy tiện. Việc giảm thuế nhập khẩu về 0% đối với quả xoài từ năm 2015 sẽ có tác động đối với việc tiêu thụ sản phẩm xoài của tỉnh, ngay cả khi chưa thực hiện việc cắt giảm, những năm trước đó tình hình tiêu thụ quả xoài cũng đã rất khó khăn. Đối với sản phẩm trồng để xuất khẩu càng cạnh tranh khó khăn với các nước trong khu vực như Thái Lan, đồng thời với quy định xoài trái xuất khẩu vào một số thị trường đòi hỏi phải có mã cost, về an toàn nên xoài trái của Đồng Nai vẫn tiêu thụ trong nước là chính.

- Quả sầu riêng

+ Năng lực cạnh tranh: Trong khu vực ASEAN, quả sầu riêng được trồng nhiều ở Indonesia, Thái Lan và Việt Nam, trong đó Thái Lan là nước trồng sầu riêng đứng đầu thế giới với sản lượng trên 600 ngàn tấn/năm, tiếp theo là Indonesia trên 500 ngàn tấn, Việt Nam đứng thứ ba với sản lượng trên, dưới 100 ngàn tấn/năm. Năng suất nhìn chung không chênh lệch lớn giữa các nước. Hiện nay tại Việt Nam có gần 60 giống sầu riêng được lai tạo từ giống sầu riêng của các nước như Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines... được trồng nhiều ở các tỉnh Đắk Lắk, Đồng Nai, Bình Dương, Tiền Giang, Vĩnh Long... nhưng vẫn không có giống sầu riêng nào ngon hơn sầu riêng Cái Mơn thương hiệu nổi tiếng “sầu riêng Cái Mơn”, có uy tín trên thị trường cả nước, được đánh giá cao về chất lượng, hơn hẳn các giống sầu riêng Monthong Thái Lan, hay sầu riêng ruột đỏ của Malaysia... về vị ngọt, hương thơm cũng như số lượng múi của trái. Sầu riêng Cái Mơn đang từng bước tham gia vào thị trường nước ngoài, điển hình là đã giành được thị trường Trung Quốc từ giống sầu riêng Monthong của Thái Lan.

+ Tác động của AEC: Diện tích trồng cây sầu riêng của tỉnh hiện là 4.113 ha (diện tích trồng mới trong năm 2015 là 248 ha), trong đó diện tích cho sản phẩm là 3.610 ha và sản lượng thu hoạch trái: 30.909 tấn (năng suất trung bình 85,6 tạ/ha). Thị trường tiêu thụ sản phẩm sầu riêng trái chủ yếu thành phố Hồ Chí Minh các tỉnh miền Trung và phía Bắc. Diện tích trồng cây sầu riêng và sản lượng thu hoạch trái sầu riêng trên địa bàn tỉnh tương đối lớn, tuy nhiên sản phẩm trái sầu riêng chất lượng không đồng đều, nhiều giống trồng (hiện nay, ở Đồng Nai có nhiều giống sầu riêng khác nhau như: sầu riêng khổ qua xanh, khổ qua vàng, bí rợ,

sầu riêng sữa hạt lép, cơm vàng hạt lép... trong đó, sầu riêng cơm vàng hạt lép ở Long Thành, Nhơn Trạch là giống tốt nhất, có chất lượng thơm ngon, năng suất cao và khả năng chống chịu sâu bệnh tốt. Ngoài ra, ở Đồng Nai cũng đã có những loại sầu riêng giống mới như: sầu riêng MonThong, sầu riêng cơm vàng hạt lép Ri 6 và Chín Hóa, sầu riêng DONA...) nên thu hoạch nhiều chủng loại sầu riêng khác nhau, trồng không tập trung và đầu tư chưa đúng quy trình, tuy nhiên việc tiêu thụ trong nước đối với loại trái này tương đối thuận lợi. Việc giảm thuế nhập khẩu về 0% đối với quả sầu riêng từ năm 2015 sẽ có tác động đối với việc tiêu thụ sản phẩm sầu riêng của tỉnh, nhất là trong điều kiện có quá nhiều thông tin về việc chín ép đối với loại quả này, người tiêu dùng sẽ có xu hướng chọn sầu riêng an toàn để sử dụng, trong đó có sầu riêng nhập khẩu từ Thái Lan với chất lượng, độ an toàn và giá cả cạnh tranh. Đối với xuất khẩu, khi đối tác cần số lượng lớn, chất lượng đồng đều, đảm bảo yêu cầu về truy xuất nguồn gốc.... thì sầu riêng của Đồng Nai không đáp ứng được so với sầu riêng của Thái Lan.

- Hồ tiêu

+ Năng lực cạnh tranh: Hiện nay, Việt Nam có 6 tỉnh trọng điểm sản xuất hồ tiêu gồm: Bình Phước 12.148 ha, Đắk Nông 11.154 ha, Đắk Lắk 12.082 ha, Bà Rịa – Vũng Tàu 9.074 ha, Đồng Nai 12.120 ha, Gia Lai 11.245 ha. Trong đó, khu vực Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ đứng đầu về diện tích, năng suất và sản lượng. Ngoài ra, còn có các vùng trồng tiêu khác như Phú Quốc (Kiên Giang) đã có thương hiệu lâu nay và vùng trồng hồ tiêu ở Quảng Trị ... Từ nhiều năm nay, giới kinh doanh nông sản và gia vị khắp thế giới biết đến Việt Nam với tư cách của một nhà xuất khẩu hồ tiêu số 1 thế giới. Hồ tiêu Việt Nam hiện được xuất khẩu đến 97 quốc gia, vùng lãnh thổ, đã vào được các nước có hàng rào kỹ thuật rất ngặt nghèo như Nhật Bản, Hà Lan, Mỹ, Đức, Pháp... Tại Đồng Nai, đã hình thành được một số vùng sản xuất hồ tiêu tập trung tại Xuân Lộc, Cẩm Mỹ và đã được chứng nhận Global GAP đối với một số khu vực trồng. Sản lượng hồ tiêu thu hoạch được các doanh nghiệp thu mua hết, tuy nhiên giá cả phụ thuộc vào tình hình tiêu thụ của thế giới, mấy năm gần đây tiêu thụ thế giới tăng nên giá hạt tiêu của Đồng Nai đang ở mức khá cao.

+ Tác động của AEC: Diện tích trồng cây tiêu của tỉnh hiện là 14.240 ha (diện tích trồng mới trong năm 2015 là 4.148 ha), trong đó diện tích cho sản phẩm là 10.092 ha và sản lượng thu hoạch hạt 20.850 tấn (năng suất trung bình 20,65 tạ/ha). Thị trường tiêu thụ sản phẩm tiêu chủ yếu là xuất khẩu, thị trường xuất khẩu chủ yếu: Hoa Kỳ, Ấn Độ, Thái Lan, Anh, Thụy Điển, ... và phần nhỏ tiêu thụ trong nước. Về lộ trình, thuế nhập khẩu của mặt hàng này đã về 0% từ năm 2008, tuy nhiên không có tác động của việc cắt giảm thuế, tình hình sản xuất tiêu thụ hạt tiêu trên địa bàn tỉnh vẫn ổn định, người dân trồng tiêu có hiệu quả.

- Cà phê nhân

+ Năng lực cạnh tranh: Trong khu vực ASEAN, Việt Nam và Indonesia là 02 quốc gia trồng cà phê lớn nhất và ở trong top 10 quốc gia dẫn đầu về sản lượng cà phê thế giới, niên vụ 2015/2016 Việt Nam đứng thứ hai với sản lượng 1.744 ngàn tấn, Indonesia đứng thứ tư với sản lượng 528 ngàn tấn. Cà phê Việt Nam đa phần là xuất khẩu (80%), có 70 quốc gia trên thế giới nhập khẩu cà phê nhân của Việt Nam. Chất lượng cà phê của Việt Nam từng bước được khẳng định trên thị trường thế giới, năng lực cạnh tranh của sản phẩm cà phê không ngừng nâng cao, tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh đối với mặt hàng này vẫn còn một số tồn tại như độ ẩm còn cao, chất lượng chưa đồng đều, có nhiều tạp chất...

+ Tác động của AEC: Diện tích trồng cây cà phê của tỉnh hiện là 19.363 ha (diện tích trồng mới trong năm 2014 là 2.168 ha), trong đó diện tích cho sản phẩm là 17.195 ha và sản lượng thu hoạch hạt 32.810 tấn (năng suất trung bình 19,10 tạ/ha). Thị trường tiêu thụ sản phẩm cà phê chủ yếu là xuất khẩu, thị trường xuất khẩu chủ yếu: Đức, Hoa Kỳ, Bỉ, Tây Ban Nha, Philippine, Nga, Pháp, ... và một phần nhỏ dùng vào chế biến các loại cà phê hòa tan, cà phê bột, nước giải khát..... Sản lượng cà phê xuất khẩu hàng năm khoảng trên 100.000 tấn, các doanh nghiệp phải thu mua cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên để đảm bảo cung ứng đủ cho xuất khẩu, trong đó các doanh nghiệp xuất khẩu mạnh có thể kể đến Tổng Cty Tín Nghĩa, Cty TNHH Minh Huy....Hiện Tổng Công ty Tín Nghĩa là doanh nghiệp xuất khẩu cà phê đứng thứ hai cả nước.

Tương tự như mặt hàng hạt tiêu, do mặt hàng này chủ yếu là xuất khẩu nên giá cả phụ thuộc vào tình hình tiêu thụ của thế giới, các doanh nghiệp trong nước chủ yếu là bán sản phẩm thô chưa qua chế biến nên giá trị gia tăng thấp, hoạt động chế biến sâu chưa đáng kể.

- *Đối với sản phẩm đu đủ, bơ, mít và hồng xiêm*: đây cũng là những mặt hàng thực hiện cắt giảm thuế về 0% từ năm 2015, tuy nhiên, diện tích trồng và sản lượng không đáng kể nên các sản phẩm này không phải cạnh tranh nhiều.

c) Thực trạng công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất nông nghiệp:

Theo kết quả điều tra, những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới đang được sử dụng trong nông nghiệp ở Đồng Nai gồm:

+ *Trong trồng trọt*: Quy trình sản xuất rau, quả thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo VietGAP; công nghệ tưới tiết kiệm nước trong trồng hồ tiêu, cây ăn quả; kỹ thuật phòng trừ dịch hại tổng hợp; kỹ thuật sử dụng thiên địch trong phòng chống dịch bệnh, sử dụng máng chắn mù cao su...

+ *Trong chăn nuôi*: ứng dụng kỹ thuật chăn nuôi heo trong chuồng lạnh; chăn nuôi gà thảo dược, ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi heo; nghiên cứu, lai tạo và khảo nghiệm thành công các cặp heo lai 3 - 5 máu ngoại có tỷ lệ nạc 56 - 60%, trọng lượng xuất chuồng 90 - 95kg; hoàn thiện quy trình nuôi bò lai thịt, quy trình vỗ béo bò thịt; lai tạo được 2 giống vịt siêu thịt mới có năng suất cao; quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP); trang bị hệ thống tự động điều khiển nhiệt độ, độ thông gió, hệ thống làm mát; điều khiển ánh sáng, hệ thống phụ sương, hệ thống nhà lạnh trong chăn nuôi heo, gà; trang bị hệ thống dây chuyền giết mổ gia cầm bán tự động...

Nhìn chung các ngành đều đã ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong sản xuất và chế biến. Tuy nhiên, ngoại trừ ngành chăn nuôi những công nghệ mới được áp dụng khá phổ biến, các ngành khác mới chỉ dừng lại như những mô hình điểm, việc nhân ra diện rộng còn gặp nhiều khó khăn; đặc biệt là trong trồng trọt, các công nghệ mới về sản xuất giống, tưới tiết kiệm nước, công nghệ về vật liệu mới

trong xây dựng nhà lưới, nhà màng phục vụ sản xuất rau, hoa, cây cảnh... cần được ứng dụng nhiều hơn, góp phần tăng năng suất, chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Việc cơ giới hóa trong nông nghiệp ở Đồng Nai đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Mức độ cơ giới hóa ở các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp như sau:

+ **Ngành trồng trọt:** Các khâu có mức độ cơ giới hóa cao là ① Vận chuyển vật tư và sản phẩm nông nghiệp 90 - 95% ② tưới nước 90 - 92% ③ Làm đất: 85 - 90%; trong đó, cao nhất là cây lúa, cao su và mía (100%), kế đến là bắp (98%), các loại cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả (75-80%) ④ Thu hoạch 45 - 50%; trong đó, vò hồ tiêu, xát cà phê (95%), thu hoạch lúa khoảng 90%, tách hạt bắp (60%) ⑤ Phun thuốc bảo vệ thực vật 45 - 50%. Ở một số khâu còn lại và các loại cây trồng khác, tỷ lệ cơ giới hóa hầu như không đáng kể. Nhiều nguyên nhân dẫn đến sự chậm chạp trong việc ứng dụng cơ giới hóa vào nông nghiệp; trong đó, đáng kể là quy mô đồng ruộng nhỏ, nhiều nơi có đá lộ đầu, sản xuất trong tình trạng manh mún, chưa hình thành được những cánh đồng lớn để thực hiện liên kết trong sản xuất; Ngoài ra, các nguyên nhân khác có thể kể đến là: Máy móc nội địa khá nghèo nàn, giá cả và chất lượng đều chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; trong khi, máy móc nhập khẩu sản xuất theo chuẩn của các nước có nền nông nghiệp phát triển, thường có độ “chênh” với quy trình sản xuất chủ yếu bằng thủ công của Việt Nam. Giá nông sản bắp bệnh cũng là một trong những nguyên do nông dân kém mặn mà với việc mạnh dạn đầu tư cho sản xuất. Tuy Nhà nước đưa ra một số chính sách hỗ trợ lãi suất mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhưng nông dân vẫn khó tiếp cận do các chương trình này thường đi kèm với quá nhiều quy định, ràng buộc.

+ **Ngành chăn nuôi:** Hầu hết các trang trại chăn nuôi quy mô lớn được đầu tư công nghệ hiện đại, nuôi chuồng kín, thông gió cưỡng bức và thường xuyên cập nhật các kỹ thuật tiên tiến trên thế giới vào sản xuất. Các khâu sản xuất được cơ giới hóa gồm: phối trộn thức ăn, hệ thống thiết bị về cấp nước, thức ăn, vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường đã đem lại hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, các cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình, các khâu trong quy trình chăn

nuôi, hầu hết vẫn vẫn sử dụng phương pháp thủ công, không có công trình xử lý nên nguy cơ ô nhiễm môi trường khá lớn.

d) Dự báo thị trường tiêu thụ và định hướng sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp của tỉnh trong thời gian tới:

Sản phẩm nông nghiệp dự kiến sản xuất trong giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh bao gồm: cao su, hạt tiêu, hạt điều, trái cây, rau các loại, đậu đỗ, hoa, cây cảnh, thịt heo, thịt và trứng gia cầm, thịt và sữa bò, cá, tôm các loại... Căn cứ vào quy mô sản xuất hàng năm, sức tiêu thụ tại thị trường trong nước, có thể phân thành 2 nhóm sản phẩm như sau: ① Nhóm sản phẩm tiêu thụ trong nước bao gồm: lúa gạo, rau đậu, hoa, cây cảnh, trái cây các loại, thịt và sữa bò, thịt heo, gà và trứng gia cầm, thủy sản các loại... ② Nhóm sản phẩm có thể tham gia xuất khẩu hoặc xuất khẩu tại chỗ: Cao su, hồ tiêu, điều, cà phê, thịt gia súc, gia cầm và một số loại trái cây đặc sản.

- Đối với các mặt hàng tiêu thụ trong nước:

Như đã phân tích ở trên, tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng KTTĐPN, lại thuộc vùng TP. Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 20/5/2008 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt quy hoạch vùng TP. Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050); theo đó, đến năm 2020, dự kiến dân số vùng KTTĐPN lên đến 22 triệu người. Như vậy, thị trường tiêu thụ nông sản ở tỉnh Đồng Nai nói riêng và vùng TP. Hồ Chí Minh nói chung là rất rộng lớn; nhóm các sản phẩm tiêu thụ trong nước của tỉnh Đồng Nai có quy mô không lớn (thậm chí một số loại sản phẩm chưa đủ tiêu dùng nội tỉnh), cung không đủ cầu; đây là điều kiện vô cùng thuận lợi đối với các loại nông sản hàng hóa của tỉnh Đồng Nai tiêu thụ ở thị trường trong nước; vấn đề là quy trình sản xuất sao cho hàng hóa nông sản bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng cao, giá thành hạ và mức thu nhập của người nông dân bảo đảm để họ an tâm sản xuất nông nghiệp trong điều kiện công nghiệp, đô thị và dịch vụ đang phát triển mạnh như hiện nay.

Dự kiến, đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh sẽ có khoảng 50 ngàn ha cây ăn quả; trong đó 5 loại trái cây là sản phẩm chủ lực và nổi tiếng là sầu riêng, xoài,

bưởi, chôm chôm, măng cầu, có diện tích là 35.000ha; các loại cây ăn quả khác như: thanh long, mít, măng cụt... khoảng 15.000 ha. Sản lượng trái cây dự kiến 575.000 tấn/năm. Đến năm 2020 có 50% diện tích cây ăn quả áp dụng quy trình VietGAP trong sản xuất; đến năm 2030 tỷ lệ này là 80 - 85%. 100% diện tích trồng mới và diện tích tái canh cây ăn quả được sử dụng giống tiên bộ kỹ thuật, sạch bệnh, chất lượng cao. Cùng cố và nâng cấp hệ thống đầu mối theo hướng nâng cao vai trò quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm; điều tư hệ thống nhà mát tại các chợ đầu mối để bảo quản trái cây. Ứng dụng công nghệ cao để kéo dài thời vụ hoặc sản xuất trái vụ đối với một số loại trái cây chủ lực. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chế biến trái cây; đặc biệt là xoài, chôm chôm và chuối.

- Đối với mặt hàng có thể tham gia xuất khẩu:

+ Hồ tiêu:

Diện tích hồ tiêu của thế giới: 0,43 - 0,45 triệu ha; sản lượng hồ tiêu dao động ở mức 0,32 - 0,35 triệu tấn/năm. Việt Nam là nước xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất thế giới song Bộ Nông nghiệp và PTNT và Hiệp hội tiêu Việt Nam xác định mục tiêu hàng đầu là tăng chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm hồ tiêu qua chế biến để tăng giá trị và lợi nhuận còn diện tích trồng ổn định khoảng 60.000 ha; sản lượng: 120.000 - 130.000 tấn/năm.

Thị trường xuất khẩu tiêu ngày càng mở rộng và hạt tiêu Việt Nam có sức cạnh tranh cao, vấn đề hiện nay là xây dựng thương hiệu hồ tiêu gắn với chế biến đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường là khâu then chốt nhất. Giá xuất khẩu hồ tiêu dao động lớn từ 780 USD/tấn đến 10.000 USD/tấn; hiện nay ở mức trên 8.000 USD/tấn và đang có xu hướng tiếp tục tăng, mức giá tiêu phụ thuộc rất nhiều vào số lượng hạt tiêu cung và cầu trên thị trường. Đặc biệt, hồ tiêu là cây dễ giảm sản lượng khi gặp thời tiết bất lợi và sâu bệnh phá hoại.

Theo Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam năm 2015 xuất khẩu hồ tiêu của cả nước đạt khoảng 130.000 tấn, kim ngạch khoảng 1,24 tỷ USD chiếm gần 50% sản lượng hồ tiêu buôn bán trên thị trường và giữ vị trí số 1 thế giới. Hồ tiêu Việt

Nam luôn có sức cạnh tranh cao; hiện nay, đã xuất sang 42 quốc gia và vùng lãnh thổ trong đó: Mỹ (12,57%); Tiểu Vương Quốc Ả Rập (7,8%); Ai Cập (7,06%); Singapore (5,58%); Đức (5,55%); Hà Lan (5,47%),...

Do vậy, đến năm 2020, tỉnh Đồng Nai sẽ giữ ổn định diện tích hạt tiêu hoặc tái canh bằng giống mới sạch bệnh, năng suất cao kết hợp đầu tư chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật để hạt tiêu đảm bảo an toàn thực phẩm, bán được giá cao; hiện tại ở Đồng Nai có các công ty thu mua - chế biến hạt tiêu xuất khẩu giàu kinh nghiệm, đã chiếm lĩnh được thị trường hồ tiêu trên thế giới.

+ Hạt điều nhân:

Trong khoảng 05 năm tới các nước sản xuất và xuất khẩu điều trên thế giới chủ yếu vẫn là Ấn Độ, Việt Nam, Brazil, Indonesia và các nước Châu Phi; do mở rộng diện tích trồng điều và áp dụng thâm canh tăng năng suất, dự báo đến năm 2020, sản lượng điều thế giới đạt khoảng 2 triệu tấn/năm, tốc độ tăng bình quân 2%/năm.

Các quốc gia tiêu thụ hạt điều nhiều và có kim ngạch nhập khẩu điều lớn nhất vẫn là: Mỹ, Ấn độ, Hà Lan, Trung quốc, EU, Canada...Sau khi khắc phục được ảnh hưởng của đợt khủng hoảng tài chính kinh tế, tiêu thụ hạt điều nhân của các quốc gia này sẽ có xu hướng tăng nhanh; dự báo, tốc độ tăng bình quân khoảng 3,0 - 4,0%/năm, giá nhân điều xuất khẩu cũng sẽ tăng với tốc độ bình quân từ 3 - 5%/năm.

Thị trường xuất khẩu nhân điều của Việt Nam chủ yếu là châu Mỹ, chiếm 42% sản lượng nhân điều xuất khẩu. Trong đó, Mỹ (41,27%), châu Âu (22,22%) (trong đó các nước EU chiếm 19,05%), châu Á 22,26% (Trung Quốc + Hồng Kông 15,87%), châu Úc và châu Đại Dương 12,3% (Úc 11,42%). Dự kiến đến năm 2020 trên địa bàn Tỉnh sẽ giảm nhanh diện tích điều xuống còn 35.500ha thành vùng tập trung ở các huyện: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành; nâng năng suất bình quân lên 1,49 tấn/ha để đạt sản lượng khoảng 50 ngàn tấn/năm. 100% diện tích trồng mới sử dụng giống điều chất lượng cao; đẩy mạnh các biện pháp thâm canh để tăng năng suất điều; thực hiện

tốt các chính sách hỗ trợ nông dân tái canh vườn điều già cỗi, năng suất thấp ở những vùng điều tập trung.

+ Cà phê nhân:

Theo thống kê của Tổ chức cà phê Thế giới (ICO), thế giới hiện có khoảng 79 quốc gia trồng cà phê với diện tích thu hoạch 11 triệu ha, sản lượng trên 8 triệu tấn/năm (135 triệu bao). Trong khoảng thời gian 30 năm (1977 - 2015) tốc độ tăng sản lượng cà phê thế giới là 1,87%/năm.

Những nước sản xuất cà phê hàng đầu thế giới gồm: Brazil 2,91 triệu tấn/năm (chiếm khoảng 35% sản lượng cà phê thế giới); Việt Nam khoảng 1 triệu tấn/năm; Columbia 0,8 triệu tấn/năm; Indonesia 0,52 triệu tấn/năm, Ethiopia, Ấn Độ, Mexico, Guatemala 0,3 - 0,4 triệu tấn/năm, Honduras và Peru 0,15 - 0,23 triệu tấn/năm...

Những quốc gia nhập khẩu cà phê hàng đầu thế giới gồm: Hoa Kỳ, Đức, Italia, Nhật, Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha, Anh, Hà Lan... Tổng lượng cà phê buôn bán trên thị trường thế giới dao động từ 5,3 - 5,8 triệu tấn/năm với giá trị giao dịch năm cao nhất lên đến 10 tỷ USD.

Theo số liệu thống kê, trong khoảng thời gian 60 năm (1950 - 2010) bình quân giá cà phê nhân trên thị trường thế giới là 1.708 USD/tấn; năm cao nhất 4.449 USD/tấn và năm thấp nhất là 644 USD/tấn.

Qua các phân tích biến động giá cà phê theo chuỗi thời gian, các nhà phân tích khẳng định rằng việc dự báo giá cà phê cho trung hạn và dài hạn là rất khó khăn và thực tế các tổ chức liên quan đến cà phê như ICO, WB, FAO, USDA... cũng thường chỉ dự báo trong ngắn hạn;

Tại Đồng Nai, cây cà phê đang gặp một số khó khăn như: kỹ thuật canh tác cà phê của nông dân ở Đồng Nai không cao nên năng suất và chất lượng kém so với các tỉnh khác; hơn nữa, đất trồng cà phê đang bị cạnh tranh bởi các cây trồng khác như hồ tiêu, cây ăn quả đặc sản... Từ những luận chứng trên, dự kiến diện tích cà phê ở Đồng Nai sẽ ổn định trong khoảng 21 ngàn ha, năng suất trên 2 tấn/ha, sản lượng 38 – 39 ngàn tấn/năm. Thực hiện tốt các biện pháp thâm canh cà

phê bền vững; trước mắt là cải tiến phương pháp tia cảnh, tạo tán, nâng cao tỷ lệ cà phê chế biến ướt; sau đó là từng bước thực hiện quy trình sản xuất cà phê theo (4C, UTZ, RainForest).

+ Thịt heo:

Hàng năm thế giới sản xuất khoảng 100 triệu tấn thịt heo, sản lượng xuất khẩu 8 - 10 triệu tấn. Các nước sản xuất và xuất khẩu thịt heo gồm: Trung Quốc, EU, Mỹ, Brazil, Canada, Ba Lan, Đan Mạch, Việt Nam... Nhu cầu nhập khẩu thịt heo thế giới hàng năm tăng bình quân 7,86%/năm; các nước nhập khẩu chính là EU, Nga, Canada, Đài Loan,

Yêu cầu về sản phẩm của các nước nhập khẩu ngày càng khắt khe; không chỉ đòi hỏi giá thành thấp (<0,8USD/kg) mà còn đòi hỏi phải xúc tiến ký hiệp định thú y song phương về vệ sinh thú y, điều kiện an toàn dịch bệnh, điều kiện về vệ sinh thú y của các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, chế biến,...

Các thị trường nhập khẩu thịt heo hiện tại và tiềm năng của Việt Nam gồm: Nga, Hồng Kông, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippine, Singapore... Tiềm năng xuất khẩu khoảng 2,5 triệu tấn/năm.

Tại Đồng Nai, đây là vật nuôi chủ lực và truyền thống của tỉnh, người dân có nhiều kinh nghiệm và trình độ kỹ thuật về chăn nuôi heo, đã xuất hiện nhiều mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, đồng thời những năm qua có xu thế phát triển. Đặc biệt cần tăng sản lượng thịt heo để cung cấp cho thị trường tiêu dùng trong nước và hướng tới xuất khẩu. Tuy nhiên, cũng phải tính toán phát triển đàn heo cân đối với khả năng đất đai có thể chăn nuôi, mật độ chăn nuôi và giải quyết vấn đề nguy cơ ô nhiễm môi trường. Địa bàn phát triển mạnh đàn heo là huyện Thống Nhất và Xuân Lộc. Từ những luận chứng trên, dự kiến đến năm 2020, quy mô đàn heo trên địa bàn tỉnh là 2,0 triệu con (tăng 310 ngàn con so với năm 2015); trong đó, chăn nuôi trang trại chiếm trên 80%, sản lượng thịt heo 376.820 tấn (tăng 146 ngàn tấn so với năm 2015). Đến năm 2030, quy mô đàn 2,5 triệu con, sản lượng thịt heo 480 ngàn tấn. Ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi heo; trong đó, đặc biệt chú ý đến việc sử dụng đệm lót sinh học trong chăn

nuôi heo quy mô hộ gia đình, công nghệ chuồng kín đối quy mô trang trại. 100% số trang trại chăn nuôi heo có sử dụng hầm biogas.

đ) Một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp trong thời gian tới:

Trên cơ sở phát triển nông nghiệp tỉnh Đồng Nai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, giải pháp chung cho nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh (xoài, bưởi, sầu riêng, chôm chôm, cà phê, điều, tiêu, heo, gà) là: ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đi đôi với tổ chức lại sản xuất theo hình thức liên kết hình thành cánh đồng lớn, liên kết từ khâu sản xuất, chế biến, đến tiêu thụ sản phẩm, kể cả việc gắn với cung cấp dịch vụ đầu vào cho sản xuất thành chuỗi khép kín. Các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

- Nhóm giải pháp 1: Định hướng lại sản xuất

+ Đánh giá lợi thế từng ngành hàng xoài, bưởi, sầu riêng, chôm chôm, cafe, điều, tiêu, heo, gà: tiến hành nghiên cứu đặc điểm thị trường ASEAN (nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng, yêu cầu sản phẩm,...) để đánh giá lợi thế các ngành hàng nêu trên tại từng thời điểm, trên cơ sở đó, định hướng lại sản xuất nông nghiệp của tỉnh nói chung, của từng ngành hàng nói riêng.

+ Thực hiện các quy hoạch: tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch đã được phê duyệt (quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch chăn nuôi,...); rà soát, điều chỉnh hoặc xây dựng mới các quy hoạch có liên quan (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch thủy lợi, quy hoạch hệ thống công nghiệp chế biến, quy hoạch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,...)

+ Tăng cường công tác quản lý, giám sát của Nhà nước đối với việc triển khai thực hiện các dự án, quy hoạch đã được phê duyệt liên quan đến nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

- Nhóm giải pháp 2: Tổ chức lại sản xuất

+ Điều chỉnh quy mô sản xuất từng ngành hàng: tăng quy mô các ngành hàng xoài, bưởi, sầu riêng, chôm chôm, cafe, điều, tiêu, heo, gà; giảm quy mô các ngành hàng có khả năng cạnh tranh thấp.

+ Tổ chức và tổ chức lại các loại hình sản xuất:

* Xây dựng liên kết với doanh nghiệp: triển khai Quyết định số 74/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về mức ưu đãi và hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020. Phát triển hình thức liên doanh, liên kết chặt chẽ giữa người sản xuất và các doanh nghiệp thu mua, chế biến và tiêu thụ nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực; khuyến khích phát triển hình thức ký kết hợp đồng tiêu thụ giữa người/đại diện nhóm người trồng/nuôi nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực hoặc các tổ chức kinh tế hợp tác với các doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

* Phát triển và tổ chức có hiệu quả các hình thức kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại, hợp tác xã, Hiệp hội, doanh nghiệp,... Vận động các hợp tác xã nông nghiệp tích cực tham gia phát triển chuỗi liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn; tổ chức, phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhằm ổn định nguồn cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất, ổn định giá thành, bảo đảm truy xuất được nguồn gốc. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý, theo đó, hợp tác xã không những chỉ lo sản xuất mà còn phải lo cả việc tìm đầu ra cho sản phẩm, đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực trình độ cao; có giải pháp huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh. Hàng năm có đánh giá chất lượng hoạt động của các hợp tác xã, có khen thưởng và có động viên thích đáng, kịp thời.

* Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Quyết định 58/2014/QĐ-UBND. Chính quyền, các ngành, các địa phương, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội, doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân cần kiên trì tuyên truyền, vận động nông dân, làm cho nông dân thấy rõ hiệu quả của việc tham gia chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản để họ tích cực

tham gia, ngoài ra còn giúp họ nâng cao nhận thức trong việc tuân thủ, áp dụng đúng quy trình sản xuất tiên tiến, đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Nhóm giải pháp 3: Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, chế biến nông sản và áp dụng các giải pháp nhằm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm

+ Nghiên cứu (hoặc hợp tác nghiên cứu); đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật; tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước trong toàn bộ quá trình sản xuất nông nghiệp. Cụ thể như sau:

*** Về giống:**

- Chọn tạo, khảo nghiệm, phát triển các giống (xoài, bưởi, sầu riêng, chôm chôm, cafe, điều, tiêu, heo, gà) mới, sạch bệnh, chất lượng, năng suất cao, phù hợp với từng điều kiện sinh thái và thị hiếu người tiêu dùng. Ứng dụng, phổ biến và chuyển giao những tiến bộ mới về giống các sản phẩm chủ lực.

- Tổ chức, giám sát công tác giám định, bình tuyển giống cho các cơ sở sản xuất giống. Quản lý, kiểm dịch và giám sát giống theo quy định.

*** Về kỹ thuật sản xuất:**

- Ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa hầu hết các khâu trong trồng xoài, bưởi, sầu riêng, chôm chôm, cafe, điều, tiêu và nuôi heo, gà. Thử nghiệm và chuyển giao cho người dân các quy trình trồng (xoài, bưởi, sầu riêng, chôm chôm, cafe, điều, tiêu) và nuôi (heo, gà) mới, tiên tiến, bền vững, đảm bảo an toàn thực phẩm và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Triển khai có hiệu quả kế hoạch phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi hàng năm, đảm bảo an toàn dịch tễ; xây dựng các cơ sở an toàn dịch bệnh heo, gà.

*** Về công nghệ chế biến:** ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, các công nghệ mới, tiên tiến trong sơ chế, chế biến nông sản nhằm giảm tỷ lệ hao hụt, giữ ổn định chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu, đa dạng hóa sản phẩm từ xoài, bưởi,

sầu riêng, chôm chôm, cafe, điều, tiêu, heo, gà, đặc biệt chú trọng các sản phẩm giá trị gia tăng.

* Nâng cao vai trò của Trung tâm khuyến nông, Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai trong công tác chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đây sẽ là nơi nghiên cứu, cải tiến cung ứng giống cho nông dân, trang trại và tính cần đầu tư thích đáng kinh phí của hoạt động này cho ngành nông nghiệp.

* Tổ chức đào tạo kỹ thuật cho nông dân, trong đó đặc biệt chú ý đến lao động nông nghiệp trẻ vì đây là lực lượng có đủ các yếu tố về thể lực, trí lực để chớ thể tiếp thu, vận dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, ngoài ra còn có cả yếu tố sáng tạo.

- Nhóm giải pháp 4: Định hướng lại đầu tư công

+ Về nguồn vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp:

* Tăng hợp lý tỷ trọng vốn đầu tư của ngân sách tỉnh phục vụ phát triển nông nghiệp, trong đó chú trọng hỗ trợ đầu tư trực tiếp cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực ở lĩnh vực: nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; tăng cường đầu tư trang thiết bị và đổi mới các hoạt động khuyến nông; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình thủy lợi; hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, những khâu mà người dân, doanh nghiệp không thể đầu tư được...

* Điều chỉnh phương thức và nguồn đầu tư để thu hút tối đa nguồn lực đầu tư xã hội vào sản xuất nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

+ Về rà soát các dự án đầu tư có liên quan đến nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực: rà soát, phân loại các dự án hiện có, loại bỏ các dự án không hiệu quả; nâng cao chất lượng quá trình lựa chọn dự án mới, tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo quy trình minh bạch, tăng cường các hoạt động giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư.

+ Tổ chức, triển khai thực hiện các chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực: hỗ trợ, ưu đãi (về vốn, lãi suất, đất đai,...) cho các doanh nghiệp, trong đó tập trung ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư khoa học công nghệ cao, đầu tư vào các dự án nông nghiệp công nghệ cao của

tỉnh (Dự án Khu liên hợp Công nông nghiệp Agropark, Trung tâm ứng dụng Công nghệ sinh học Đồng Nai, các địa điểm, dự án nông nghiệp khác phù hợp với quy hoạch phát triển các vùng trồng trọt, chăn nuôi của tỉnh,...).

- Nhóm giải pháp 5: Phát triển thị trường

+ Thành lập hệ thống thông tin, phân tích thị trường: xây dựng, tổ chức hệ thống thông tin nông nghiệp, đặc biệt là thông tin về nhóm ngành hàng sản phẩm nông nghiệp chủ lực; thực hiện kết nối với các chợ đầu mối, các tổ chức và cá nhân sản xuất kinh doanh,... để cung cấp các thông tin về kỹ thuật, thị trường và nắm bắt, thu nhận các thông tin phản hồi. Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của các loại vật tư nông nghiệp và nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

+ Xúc tiến thương mại:

* Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí để các tổ chức, cá nhân quảng bá, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm theo quy định; hỗ trợ giới thiệu xúc tiến thương mại trong nước (tham gia vào siêu thị, chợ đầu mối, xây dựng các cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm sạch, GAP,...); tham gia các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước nhằm giới thiệu nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực và tìm kiếm thêm các nhà đầu tư, nhà tiêu thụ.

* Tổ chức các hội nghị, hội thảo kết nối chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực. Hỗ trợ xây dựng chuỗi thực phẩm sạch từ trang trại đến bàn ăn. Liên kết với các doanh nghiệp xuất khẩu để tham gia giới thiệu sản phẩm.

- Nhóm giải pháp 6: Tăng cường hợp tác đầu tư với doanh nghiệp của các địa phương khác và doanh nghiệp nước ngoài (gọi chung doanh nghiệp bên ngoài)

+ Mở rộng hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp bên ngoài để mở rộng thị trường và khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp ngoại tỉnh đầu tư vào sản xuất, kinh doanh nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh. Trước mắt, mời gọi Công ty cổ phần CP Việt Nam mở rộng đầu tư vào Đồng Nai, định hướng vào lĩnh vực nuôi và chế biến tôm, chế

biển trái cây xuất khẩu, cùng với xây dựng mô hình truy xuất nguồn gốc đối với vùng nguyên liệu bắp. Với việc đầu tư vào ngành nghề chế biến trái cây xuất khẩu, có thể vận động Tập đoàn CP Thái Lan liên kết cùng Công ty Sunshine International thực hiện.

+ Nâng cao vai trò của các doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; đặc biệt là các doanh nghiệp cung ứng vật tư, thu mua, bảo quản chế biến và tiêu thụ.

- Nhóm giải pháp 7: Thúc đẩy phát triển hệ thống hạ tầng thương mại

Triển khai thí điểm một đến hai chợ đầu mối theo mô hình chợ đầu mối cùng với việc ban hành một số nội dung hỗ trợ nhất định, trước mắt, có thể là hỗ trợ đầu tư xây dựng phòng kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm, trang thiết bị, đào tạo kỹ thuật viên. Quyết liệt xử lý các chợ, tụ điểm kinh doanh tự phát. Hình thành các khu vực bán sản phẩm nông nghiệp an toàn tại các chợ hạng 1, hạng 2.

2.2.2. Nhóm sản phẩm công nghiệp:

a) Thực trạng sản xuất công nghiệp:

Sản xuất công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2010- 2015 tiếp tục phát triển. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp giữa các thành phần và các nhóm ngành công nghiệp tiếp tục có chuyển biến tích cực, đúng hướng. Sản xuất của một số nhóm ngành công nghiệp chế biến có mức tăng trưởng cao tập trung ở các ngành có thị trường xuất khẩu ổn định, tỷ trọng lớn và thị trường trong nước tiêu thụ tốt như: dệt may, da giày.

Tuy nhiên, sự chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành công nghiệp trong giai đoạn này còn chậm, giá trị công nghiệp vẫn tập trung chủ yếu ở các nhóm ngành: công nghiệp chế biến NSTP (25%); CN dệt, may, giày dép (26%); chưa có sự chuyển dịch mạnh về các ngành CN mũi nhọn như: cơ khí, hóa chất, điện- điện tử và tập trung chủ yếu ở thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm khoảng 85%); thành phần kinh tế ngoài quốc doanh vẫn chủ yếu là các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ nên số lượng doanh nghiệp khu vực này tuy có tăng nhưng giá trị công nghiệp tăng rất ít, không đáng kể. Ngành công nghiệp hỗ trợ

trên địa bàn tỉnh tuy có bước phát triển nhưng còn chậm, nhiều sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có hàm lượng công nghệ cao chưa nhiều.

b) Đánh giá tác động của hội nhập kinh tế đến sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh:

Xét về tổng thể, hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang đem lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp và nền kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, với 96% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, áp lực cạnh tranh đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung, Đồng Nai nói riêng là rất lớn. Trong đó:

Đối với lĩnh vực xuất nhập khẩu: Dù hàng rào thuế quan được dỡ bỏ, song việc có tận dụng được các ưu đãi về thuế quan để mở rộng thị trường hay không lại phụ thuộc vào việc đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ cũng như các yêu cầu khác (an toàn thực phẩm, vệ sinh dịch tễ...). Với năng lực tự sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu còn hạn chế, thì những yêu cầu về quy tắc xuất xứ hàng hóa lại đang đặt ra thách thức và mối lo ngại cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Đối với sản xuất: Việc tự do hóa thuế nhập khẩu sẽ dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng nguồn hàng nhập khẩu từ các nước, đặc biệt là từ các nước TPP, EU vào Việt Nam do giá thành rẻ hơn, chất lượng và mẫu mã đa dạng, phong phú hơn sẽ tác động đến lĩnh vực sản xuất trong nước.

Ngoài ra, khi hàng rào thuế quan được gỡ bỏ nhưng các hàng rào kỹ thuật không hiệu quả, Việt Nam sẽ trở thành thị trường tiêu thụ các sản phẩm chất lượng kém, ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng trong khi lại không bảo vệ được sản xuất trong nước.

Trong khuôn khổ Cộng đồng kinh tế ASEAN, khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm công nghiệp như sau:

- Sản phẩm bánh, kẹo

+ Năng lực cạnh tranh: Với doanh thu ngành bánh kẹo VN năm 2014 tăng trưởng 10,65% so với năm 2013, đạt 27.000 tỉ đồng và được dự báo đạt khoảng 40.000 tỉ đồng vào năm 2018 với sản lượng ước hơn 200.000 tấn, thị trường bánh kẹo có sức hấp dẫn lớn đối với thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực

này. Trong các nước ASEAN, sản xuất bánh kẹo lớn có thể kể đến Thái Lan, Indonesia, Malaysia và Việt Nam. So với các nước, khả năng cạnh tranh của sản phẩm bánh kẹo Việt Nam vẫn hạn chế hơn về mẫu mã, chất lượng và đôi khi cả về giá cả do giá nguyên liệu đầu vào chính của nhóm hàng này là đường, bơ, dầu... ở các quốc gia này cạnh tranh hơn so với Việt Nam đồng thời, các quốc gia này đã thực hiện mở cửa hoàn toàn, trong khi ở Việt Nam vẫn còn bảo hộ đối với mặt hàng đường.

+ Tác động của AEC: Sản lượng sản xuất trên địa bàn tỉnh hiện khoảng 29.285 tấn/năm, khoảng 90% sản lượng tiêu thụ chủ yếu trong nước, còn lại xuất khẩu sang các thị trường như Nhật, Trung Quốc, Campuchia, Myanmar ... Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm bánh, kẹo năm 2015 khoảng 8.883 triệu USD, 6 tháng đầu năm nhập khẩu mặt hàng này đạt 11.950 USD, chủ yếu từ các nước ASEAN.

Việc không ngừng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm cũng như cải tiến bao bì, mẫu mã là những yếu tố giúp cho sản phẩm bánh, kẹo của Đồng Nai có thể cạnh tranh được với sản phẩm bánh, kẹo của Thái Lan, Malaysia, Indonesia... và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Mặc dù một số chủng loại sản phẩm bánh kẹo sẽ thực hiện cắt giảm thuế ngay từ đầu năm 2015 từ 5% xuống còn 0%, Công ty CP Bánh kẹo Bibica khẳng định, doanh nghiệp sẽ tiếp tục phát triển tốt khi thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để hình thành AEC. Bản thân doanh nghiệp đã có chuẩn bị cho thời điểm này vì có bỏ thuế hay không thì cạnh tranh trên thị trường vẫn được quyết định bằng chất lượng sản phẩm.

- Sản phẩm cà phê hòa tan

+ Năng lực cạnh tranh: Hiện tại có hơn 20 công ty sản xuất cà phê hòa tan tại Việt Nam. Với lợi thế về nguồn nguyên liệu đầu vào, sản phẩm cà phê hòa tan của Việt Nam có thể cạnh tranh được với các nước sản xuất cà phê hòa tan trong khu vực như Thái Lan, Indonesia. Một số thương hiệu cà phê hòa tan của Việt Nam đã có được sự tin nhiệm cao của người tiêu dùng như Vinacafe, Trung Nguyên, G7..... Chuẩn bị cho hội nhập, các nhà sản xuất trong nước không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng, đưa sản phẩm cà phê mang thương hiệu Việt Nam xuất hiện trên bản đồ cà phê thế giới.

+ Tác động của AEC: Tại Đồng Nai, sản xuất sản phẩm này có sự tham gia của cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI, với doanh nghiệp trong nước phải kể đến CTy CP Vina Cà phê. Sản lượng sản xuất của Công ty hiện ở mức trên 30.000 tấn/năm, trong đó năm 2014 khoảng 32.490 tấn, 5 tháng 2015 khoảng 11.452 tấn, khoảng 80% sản lượng cà phê hòa tan của doanh nghiệp được tiêu thụ trong nước. Khảo sát về thị trường cà phê hòa tan trên toàn quốc vừa được công ty nghiên cứu thị trường Nielsen Việt Nam công bố, “Vinacafé Biên Hòa là nhà sản xuất cà phê hòa tan số 1 Việt Nam” với 41% thị phần. Kim ngạch nhập khẩu năm 2015 là 2.063.887 USD, 6 tháng đầu năm 2016 khoảng 1.790.359 USD, thị trường nhập khẩu chủ yếu từ các nước ASEAN. Cũng như sản phẩm bánh kẹo, mặt hàng này hiện là thương hiệu mạnh của Việt Nam. Việc cắt giảm thuế suất từ 5% xuống còn 0% từ đầu năm 2015 theo doanh nghiệp không có tác động, doanh nghiệp khẳng định sẽ tiếp tục phát triển tốt.

- Giày thể thao

+ Năng lực cạnh tranh: Việt Nam là một trong 10 nước đứng đầu thế giới về sản xuất và xuất khẩu da giày nói riêng và ngành giày dép nói chung, với năng lực sản xuất hơn 800 triệu đôi giày dép mỗi năm, trong đó năng lực sản xuất giày thể thao là 204,390 triệu đôi, chiếm 56,3% tổng năng lực và mặt hàng này phát triển mạnh ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thách thức đối với giày dép Việt Nam hiện nay trên thị trường thế giới nói chung là sức cạnh tranh chưa cao, đồng thời vẫn còn hạn chế về khả năng tự thiết kế mẫu mã, tự đảm bảo vật tư nguyên liệu trong nước, qui mô sản xuất chưa đủ lớn.....

+ Tác động của AEC: Sản lượng giày thể thao của tỉnh hiện ở mức 136.943.000 đôi/năm. Tham gia sản xuất sản phẩm này chủ yếu là doanh nghiệp FDI, chiếm khoảng 95% và 100% được xuất khẩu. Với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước, một số doanh nghiệp cũng chủ yếu xuất khẩu, tiêu thụ trong nước có thể kể đến Cty TNHH Bình Tiên Đồng Nai, với thương hiệu Bitis.

Thương hiệu Bitis đã có mặt ở thị trường khắp cả nước, chất lượng, mẫu mã và có nhiều phẩm cấp giúp cho người tiêu dùng dễ dàng chọn mua theo thị hiếu, theo khả năng. Theo doanh nghiệp, khi Việt Nam tham gia AEC, tình hình

sản xuất, tiêu thụ của doanh nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, có thể cạnh tranh tốt với sản phẩm của Thái Lan.

- Cao su tự nhiên

+ Năng lực cạnh tranh: trong khu vực ASEAN Thái Lan, Indonesia, Việt Nam là 03 nước sản xuất cao su tự nhiên hàng đầu của thế giới, trong đó Thái Lan, nước sản xuất cao su tự nhiên lớn nhất thế giới, sản lượng khoảng 4,3 triệu tấn, Indonesia khoảng 3,1 triệu tấn, Việt Nam - nước sản xuất cao su lớn thứ 3 thế giới khoảng 1 triệu tấn. Trong những năm qua, xuất khẩu mặt hàng cao su tự nhiên gặp khó khăn, giá xuất khẩu liên tục giảm do Trung Quốc – thị trường tiêu thụ cao su lớn của thế giới giảm. Trong nước, mức tiêu thụ cao su thiên nhiên để chế biến sản phẩm còn ít nên ngành cao su sẽ phải tiếp tục xuất khẩu nguyên liệu thô khoảng 70% tổng sản lượng cả nước trong nhiều năm tới. Nguyên nhân là do cơ cấu chủng loại cao su thiên nhiên của Việt Nam chưa phù hợp với nhu cầu thế giới và ngành công nghiệp chế biến cao su trong nước.

+ Tác động AEC: Sản lượng cao su tự nhiên trên địa bàn tỉnh hiện khoảng 40.364 tấn/năm, trong đó xuất khẩu khoảng 22.800 tấn (40 triệu USD) chủ yếu sang các thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Hà Lan, Đức, Thái Lan.... Đồng Nai cũng là địa phương nhập khẩu cao su tự nhiên, với sản lượng và kim ngạch nhập khẩu năm 2014 khoảng 52.305 tấn, tương đương khoảng 129 triệu USD; 05 tháng đầu năm 2015 là 23.367 tấn, tương đương 49,6 triệu USD để phục vụ cho ngành sản xuất lốp xe, giày dép; trong đó từ các nước ASEAN khoảng 443,8 tấn, tương đương 1 triệu USD.

Việc giảm thuế nhập khẩu từ 3% xuống còn 0% bắt đầu từ năm 2015 sẽ giúp cho các doanh nghiệp sản xuất sử dụng nguyên liệu từ cao su tự nhiên giảm được chi phí đầu vào, hạ giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh, tuy nhiên cũng đặt ra thách thức đối với người trồng cao su cũng như doanh nghiệp chế biến cao su của tỉnh, nhất là trong điều kiện hiện nay giá xuất khẩu cao su giảm mạnh.

Nhìn chung, với những sản phẩm công nghiệp chủ yếu thuộc lộ trình giảm thuế từ năm 2015, như đã trình bày trên cho thấy sẽ có tác động đáng kể đối với

các doanh nghiệp nhỏ và vừa, vì thực tế trên địa bàn tỉnh, ngoài một số doanh nghiệp đã có thương hiệu, tên tuổi như đã trình bày ở trên vẫn còn không ít các doanh nghiệp đang chật vật với bài toán về nguồn vốn, về thị trường, về khả năng cạnh tranh...do đó vẫn rất cần sự hỗ trợ từ phía nhà nước và sự nỗ lực lớn từ chính bản thân doanh nghiệp. Đối với các nhóm, mặt hàng công nghiệp còn lại của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước của tỉnh như vật liệu xây dựng (gạch xây dựng, gạch lát nền, ngói), sản phẩm từ plastic ... tiếp tục duy trì thuế suất 5% đến cuối năm 2017, riêng đường mía chưa cắt giảm, từ nay đến năm 2018 thuế suất vẫn 5%

c) Dự báo thị trường và định hướng sản xuất của các sản phẩm trên:

- Bánh kẹo

Ngành bánh kẹo tiếp tục giữ tỷ trọng lớn (40,43%) với vai trò dẫn dắt sự phát triển chung của ngành công nghiệp thực phẩm. Theo Bộ Công Thương, tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2016-2020 là 14,87% và giai đoạn 2021-2025 là 12,44%.

Ngành bánh kẹo luôn là một trong những ngành có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định tại Việt Nam. Vai trò ngành sản xuất bánh kẹo ngày càng được khẳng định khi giữ tỷ trọng lớn trong ngành công nghệ thực phẩm (tăng từ 20% lên 40% trong gần 10 năm trở lại đây). Trong nhóm sản phẩm bánh kẹo thì bánh kẹo ngọt chiếm tỉ trọng một nửa thị trường, kế đó là socola (44%). Trong dài hạn, ngành bánh kẹo tiếp tục được nhận định có tiềm năng phát triển mạnh nhờ các yếu tố như cơ cấu dân số trẻ, nhận thức về sức khỏe ngày càng nâng cao, cùng với nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực bánh kẹo tại Việt Nam.

Hiện nay Việt Nam có khoảng 30 doanh nghiệp sản xuất có quy mô lớn, khoảng 1.000 cơ sở sản xuất nhỏ và một số công ty nhập khẩu bánh kẹo nước ngoài. Các doanh nghiệp nội địa đang chiếm lĩnh thị trường, trong đó, các doanh nghiệp lớn (Tập đoàn Kinh Đô, Cty CP Bánh kẹo Hải Hà, Cty CP Bibica) chiếm 42%, doanh nghiệp khác 38%. Hàng nhập khẩu chỉ chiếm 20%. Doanh thu ngành

bánh kẹo dự báo sẽ đạt khoảng 40 nghìn tỉ vào năm 2018 với sản lượng ước hơn 200 ngàn tấn.

- Cà phê hòa tan

Xuất khẩu cà phê hòa tan Việt Nam đang có những bước tăng trưởng rất khả quan. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thị phần của cà phê hòa tan Việt Nam trên thị trường cà phê thế giới đã tăng mạnh trong 5 năm qua, từ 1,8% lên 9,1%.

Hiệp hội Cà phê cao Việt Nam (Vicofa) cho biết, hiện cà phê hòa tan của Việt Nam đã có mặt tại 40 quốc gia trên thế giới. Năm 2015, lượng xuất khẩu cà phê hòa tan Việt Nam đạt 67,5 ngàn tấn, tăng 25% so với năm 2014, gồm các thị trường lớn như EU, Nhật Bản, Mỹ, Nga, Philippines, Trung Quốc, Thái Lan...

Nhiều sản phẩm cà phê hòa tan của Việt Nam được bạn hàng và thị trường thế giới ưa chuộng như G7 của Trung Nguyên đã được bán trong hệ thống Walmart tại Chile, Brazil, Mexico và Trung Quốc. Vinacafe XK trên 2.000 tấn cà phê hòa tan/năm đến 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới...

Nguyên nhân khiến cà phê hòa tan Việt Nam gia tăng sức hấp dẫn trên thị trường thế giới bởi Việt Nam có lợi thế là nước XK cà phê Robusta lớn nhất thế giới - nguyên liệu dùng để làm cà phê hòa tan. Bên cạnh đó, thời gian qua, các doanh nghiệp (DN) rất chú trọng đầu tư vào lĩnh vực này. Các công ty Nestlé, Trung Nguyên, Cà phê Ngon, Olam và Vinacafe, ngoài những cơ sở đã có còn đầu tư xây dựng thêm nhà máy mới.

Ông Ganesan Ampalavanar- Tổng giám đốc Công ty Nestlé Việt Nam - chia sẻ, gần đây, đơn vị đã khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến cà phê hòa tan giá 80 triệu USD tại tỉnh Đồng Nai. Để có nguồn nguyên liệu ổn định phục vụ chế biến, công ty đã thu mua hơn 20% cà phê trong số khoảng 1,7 triệu tấn hạt cà phê thu hoạch tại Việt Nam mỗi năm.

Cả nước hiện có 20 nhà máy chế biến cà phê hòa tan nguyên chất, cà phê hòa tan phối trộn, với công suất 75.280 tấn sản phẩm/năm. Phần lớn sản lượng cà phê hòa tan Việt Nam được xuất khẩu ra nước ngoài.

Hiện nay, cà phê hòa tan đã chiếm 14% nhu cầu tiêu dùng trên thế giới và dự báo sẽ còn tăng trưởng tốt trong nhiều năm tới. Do vậy, tiềm năng XK mặt hàng này của Việt Nam là rất lớn nhờ sở hữu nguồn nguyên liệu dồi dào. Bên cạnh đó, cà phê hòa tan cũng đang được ưa chuộng tại thị trường nội địa do dễ sử dụng, tiện lợi, phù hợp với nhịp sống hiện đại.

Ông Võ Thành Đô - Phó Cục trưởng Cục Chế biến nông, lâm, thủy sản và nghề muối (Bộ NN&PTNT) - cho biết, cà phê hòa tan đã được Bộ NN&PTNT định hướng phát triển mạnh trong thời gian tới. Mục tiêu đến năm 2020, có từ 25% sản lượng cà phê nhân trở lên được chế biến thành các sản phẩm cà phê phục vụ trực tiếp tiêu dùng; trong đó, sản lượng cà phê rang xay là 50.000 tấn/năm, cà phê hòa tan đạt 255.000 tấn/năm. Đến năm 2030, sản lượng cà phê hòa tan sẽ tăng lên 350.000 tấn/năm.

Đại diện Vicofa cho rằng, phát triển ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu cà phê hòa tan sẽ tạo thêm nhiều giá trị gia tăng so với xuất khẩu cà phê hạt. Hiện nay, lượng cà phê hòa tan xuất khẩu mặc dù mới chỉ chiếm trên 3% tổng lượng xuất khẩu cà phê, nhưng kim ngạch lại đạt khoảng 8% tổng kim ngạch xuất khẩu.

- Giày thể thao

Trong báo cáo nghiên cứu mới nhất về Triển vọng giày dép Việt Nam năm 2017, nhà phân tích RNCOS đã xác định rằng, ngành công nghiệp giày dép đã tăng trưởng đáng kể so với những năm gần đây với kim ngạch xuất khẩu tăng trên thị trường quốc tế. Báo cáo nghiên cứu nêu bật xu hướng và sự phát triển tại thị trường giày dép Việt Nam bao gồm tiến bộ kỹ thuật góp phần phát triển ngành công nghiệp trong tương lai, tăng sản xuất nguyên liệu trong nước, sẵn có nguồn lao động giá rẻ, và lao động lành nghề...

- Cao su tự nhiên:

Hàng năm, thế giới sản xuất khoảng 8 - 9 triệu tấn cao su thiên nhiên; trong đó, các nước sản xuất với khối lượng lớn gồm: Thái Lan 2,9 - 3,0 triệu tấn/năm, Indonesia: 1,8 - 2 triệu tấn/năm; Malaysia: 1,0 - 1,5 triệu tấn; Ấn Độ: 0,7

- 0,8 triệu tấn và Việt Nam: 0,6 - 0,7 triệu tấn. Do giá cả trong mấy năm gần đây diễn biến theo hướng có lợi cho người sản xuất; đặc biệt là giá dầu mủ biến động lớn theo hướng tăng nhanh nên cả diện tích và sản lượng cao su ở hầu hết các nước đều có xu thế tăng. Theo dự báo của hiệp hội cao su quốc tế (IRSG) tổng cung mủ cao su tự nhiên trên thế giới có thể tăng 20% vào năm 2015 so với năm 2008 do các nước trồng mới thêm 1,0 triệu ha. Dự báo sản lượng cao su thiên nhiên thế giới đến năm 2015 đạt: 11,0 triệu tấn và năm 2020 là 13,5 triệu tấn.

Các nước nhập khẩu cao su với khối lượng lớn gồm: Trung Quốc 1,16 triệu tấn/năm, Hoa Kỳ 1,10 triệu tấn/năm, Nhật Bản 0,8 triệu tấn/năm, Hàn Quốc 0,34 triệu tấn/năm, Pháp 0,306 triệu tấn/năm, Đức 0,265 triệu tấn/năm... Trong mấy năm gần đây, ngành công nghiệp chế tạo ô tô phát triển mạnh nên nhu cầu cao su thiên nhiên ở các nước này tăng nhanh; điển hình là Trung Quốc tăng 8,23%/năm, Pháp tăng 9,83%/năm, Anh tăng 9,21%/năm...

Số lượng mủ cao su khô xuất khẩu của Việt Nam năm 2008 đạt 645.000 tấn (1,6 tỷ USD), tốc độ tăng giai đoạn 2000 - 2008 về số lượng là: 11,35%/năm và giá trị tăng 32,78%/năm. Cao su mủ khô đã xuất sang 27 quốc gia và vùng lãnh thổ trong đó: Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore là 3 nước nhập khẩu chính (chiếm 64,2%).

Phát triển cao su của Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số: 750/QĐ-TTg: Diện tích cao su đến năm 2020 là 800.000 ha (sản lượng mủ khô: 1,2 triệu tấn; kim ngạch xuất khẩu đạt: 2,0 tỷ USD. Ngành hàng cao su sẽ tái cấu trúc lại theo hướng gắn sản xuất với phát triển công nghiệp chế biến, đa dạng hóa sản phẩm và chủ động về thị trường.

Đối với tỉnh Đồng Nai đất trồng cao su vẫn có thể tiếp tục mở rộng thêm nhưng ở mức ít thích nghi. Đặc biệt, chú trọng biện pháp tập trung thâm canh, tăng năng suất và tái canh bằng các giống mới nhằm gia tăng sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất cao su.

b) Một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm công nghiệp trong thời gian tới:

- Đối với cơ quan nhà nước

+ Tăng cường tuyên truyền cho các doanh nghiệp các thông tin về lộ trình và các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và triển khai thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng để góp phần duy trì và phát triển thị phần hàng Việt Nam trong nước.

+ Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, nhằm giúp các doanh nghiệp chủ động nguyên liệu đầu vào, góp phần gia tăng giá trị sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm;

+ Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế; triển khai các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực, kết hợp với các chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề, các dự án... để nâng cao trình độ cho người lao động;

+ Tích cực triển khai chính sách bảo lãnh tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn tín dụng để đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, tăng năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm; tổ chức các hội nghị kết nối cung-cầu tín dụng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn tín dụng để vay, đưa vào sản xuất kinh doanh;

+ Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác xây dựng, quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có chỗ đứng vững chắc ở thị trường trong nước, duy trì ổn định thị phần đồng thời phát triển tốt thị trường nước ngoài, xây dựng chiến lược thị trường ngoài nước cho từng nhóm/mặt hàng.

+ Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp, rút ngắn thời thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu; phát triển dịch vụ logistic....

- Đối với doanh nghiệp

+ Chủ động học hỏi thế mạnh của hàng ngoại để không bị lạc hậu, giảm chi phí tại chỗ, chú trọng công tác nghiên cứu và phát triển. Cần phải tối ưu hóa máy móc thiết bị đang có, tạo ra sản phẩm có giá thành cạnh tranh, chất lượng ổn định. Ưu tiên chọn sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước đã sản xuất được với chất lượng đảm bảo để hạn chế việc nhập khẩu, giảm chi phí sản xuất.

+ Quan tâm công tác xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, chủ động trong công xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, chú trọng phát triển đối với cả 02 khu vực thị trường trong và ngoài nước. Cùng cố, phát triển hệ thống mạng lưới phân phối, tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu thị trường.

+ Chủ động tìm hiểu và nghiên cứu về thông tin, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, pháp luật quốc tế. Tranh thủ các cơ hội do các Hiệp định thương mại mang lại để có chính sách đầu tư, phát triển sản xuất, phát triển thị trường phù hợp.

+ Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực và dành kinh phí thích đáng cho công tác này, tập trung đào tạo cho cán bộ quản lý nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành, đặc biệt chú trọng đến đào tạo ngoại ngữ; đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ thiết kế mẫu mã.

+ Tham gia các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp, ngành hàng nhằm trao đổi, chia sẻ thông tin về mặt hàng, về thị trường, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh cùng nhóm/mặt hàng, sẵn sàng hỗ trợ nhau cùng phát triển.

- Đối với các hiệp hội ngành nghề:

+ Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, chính sách của nhà nước đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc chức năng, ngành nghề của hiệp hội, thông tin kịp thời đến hội viên để vận dụng hoặc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp. Tạo sự liên kết giữa các doanh nghiệp trong tổ chức nhằm tạo sức mạnh ngành hàng để có thể đáp ứng nhu cầu của thị trường với số lượng lớn khi cần thiết.

+ Thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc phản ánh kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình kinh doanh, những bất cập của cơ chế, chính sách.

2.3. Đánh giá chung:

2.3.1. Trong phạm vi cả nước:

Từ năm 1995 khi gia nhập khối ASEAN, Việt Nam đã thực hiện việc cắt giảm thuế quan theo lộ trình. Năm 2003 các nhà lãnh đạo ASEAN ra quyết tâm thiết lập AEC vào năm 2020, tuy nhiên, lộ trình này đã được đẩy sớm hơn, tại thời điểm năm 2007, khi các nhà lãnh đạo đồng thuận khẳng định lại cam kết vào năm 2015. Chuẩn bị cho sự kiện này, quá trình đàm phán, Việt Nam đã rà soát những mặt hàng, nhóm mặt hàng sẽ bị tác động và những mặt hàng, nhóm mặt hàng có lợi thế cạnh tranh từ đó có lộ trình cắt giảm thuế quan phù hợp để từng bước các doanh nghiệp trong nước có sự chuẩn bị. Cụ thể lộ trình cắt giảm thuế quan có thể tạm chia ra 3 giai đoạn theo các mốc thời gian ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CEPT/AFTA, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN của Bộ Tài chính (đã trình bày ở trên) để các doanh nghiệp trong nước có sự chuẩn bị.

Tính đến thời điểm hiện nay, về thị trường, khu vực ASEAN là nền kinh tế lớn thứ 7 thế giới với 600 triệu dân, xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam vào khu vực này 18% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng năm. Nhìn chung, các doanh nghiệp trong nước đã có sự chuẩn bị, năng lực cạnh tranh của sản phẩm dần cải thiện nhưng vẫn khó cạnh tranh với sản phẩm cùng loại trong khối ASEAN do hầu hết doanh nghiệp trong nước là doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghệ sản xuất lạc hậu, năng lực tài chính yếu trong khi tiếp cận vốn vay ngân hàng không nhiều (phải có tài sản thế chấp, lãi suất cao...), thị trường xuất khẩu thiếu tính ổn định, bền vững.

2.3.2. Đối với Đồng Nai:

Xuất khẩu của Đồng Nai sang các nước ASEAN giai đoạn 2011-2014 chiếm từ 10-12% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh hàng năm, những thị trường

có kim ngạch xuất khẩu lớn là Thái Lan, Indonesia, Philippines, Singapore..., mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là dệt may, xơ, sợi dệt các loại, sắt thép các loại, phương tiện vận tải và phụ tùng, thủy sản, hạt điều, giấy và sản phẩm từ giấy,...; nhập khẩu từ các nước ASEAN chiếm khoảng 12-14% kim ngạch nhập khẩu của tỉnh hàng năm, những thị trường có kim ngạch nhập khẩu lớn là Thái Lan, Indonesia, Singapore, Malaysia.... mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là hóa chất, sản phẩm từ hóa chất, máy móc thiết bị và phụ tùng, phân bón các loại, thức ăn gia súc, cao su, giấy các loại, thuốc trừ sâu, chất dẻo nguyên liệu, nguyên phụ liệu dệt may da giày.... Qua phân tích, một số sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp của tỉnh có thể cạnh tranh tốt với sản phẩm của các nước trong khu vực, tuy nhiên vẫn còn một số sản phẩm yếu thế hơn, nhất là sản phẩm dịch vụ, do đó các doanh nghiệp, các trang trại trong tỉnh cần tiếp tục tăng cường đầu tư vốn, thiết bị, công nghệ, nhân lựccho sản xuất, kinh doanh để nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mẫu mã, chủng loại, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bắt đầu từ năm 2015, Việt Nam triển khai lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu theo cam kết của Cộng đồng kinh tế ASEAN và tính đến nay đã gần 02 năm, tuy nhiên kim ngạch nhập khẩu của Đồng Nai từ các nước thuộc khối giảm khoảng trên 1% so với những năm trước đó, cho thấy việc cắt giảm thuế không tác động lớn đến việc thúc đẩy gia tăng nhập khẩu, điều này hoàn toàn phù hợp với việc phân tích, đánh giá năng lực cạnh tranh cũng như tác động của việc tham gia AEC đối với các sản phẩm công, nông nghiệp của tỉnh Đồng Nai thuộc diện thực hiện cắt giảm thuế từ đầu năm 2015 đã trình bày ở trên.

IV. HỆ THỐNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LIÊN QUAN ĐẾN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH.

Việt Nam hội nhập kinh tế ASEAN tính đến nay đã gần 20 năm, trong từng thời kỳ, nhà nước đã ban hành một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp quan tâm đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, trên cơ sở đó nâng cao khả năng cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của các nước thuộc khối. Đối với các địa phương, từng

địa phương, trên cơ sở tình hình thực tế, khả năng ngân sách....cũng đã ban hành một số chính sách để hỗ trợ cho doanh nghiệp trên địa bàn nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực, quốc tế.

Tính đến thời điểm hiện nay, các văn bản của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, của tỉnh liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp sau còn hiệu lực (*phụ lục gửi kèm*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Phân công thực hiện

a) Sở Công Thương:

- Chủ trì phối hợp với các, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện Đề án.

- Xây dựng lộ trình, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngành nêu tại Đề án, trong đó tập trung: triển khai thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng để góp phần duy trì và phát triển thị phần hàng Việt Nam trong nước; đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng và triển khai chương trình xúc tiến thương mại hàng năm, chú ý xác định thị trường mục tiêu cho từng nhóm, mặt hàng có phân theo phẩm cấp, chất lượng, cách thức sản xuất; phát triển hệ thống chợ đầu mối; phối hợp củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống hợp tác xã thương mại.

- Chủ trì tổ chức các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án thuộc ngành;

- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh; triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ của trung ương, của tỉnh đến thương nhân thuộc đối tượng của chính sách, phối hợp các sở, ngành liên quan giải quyết nhanh thủ tục để giải ngân sớm nguồn vốn hỗ trợ.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Xây dựng lộ trình, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngành nêu tại Đề án, trong đó tập trung: triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp và PTNT; tiếp tục nghiên cứu, triển khai việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng một cách hợp lý.

- Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Phối hợp củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống hợp tác xã nông nghiệp, đặc biệt chú ý nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo hợp tác xã, từng bước đa dạng hóa ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của các hợp tác xã.

- Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các quy hoạch; ban hành các đề án chuyên ngành, chuyên đề, đề tài khoa học; tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quản lý chuyên ngành; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, một số địa phương nghiên cứu, phát triển mô hình du lịch gắn với các trang trại với những hoạt động giải trí đa dạng, phong phú.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tuyên truyền, triển khai chính sách của trung ương, của tỉnh khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, kịp thời tham mưu sửa đổi những bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện.

d) Sở Tài chính:

Tham mưu, bố trí nguồn ngân sách triển khai thực hiện các chương trình, Đề án thuộc lĩnh vực công, nông, thương đã được phê duyệt; đặc biệt bố trí đủ nguồn lực và kịp thời để thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh và các chính sách của Trung ương đã và sẽ triển khai.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan đến hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hoá nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, chú ý nguồn lực của các doanh nghiệp;

- Hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm hàng hoá nông sản thế mạnh trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông Nghiệp và PTNT, các địa phương rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

- Đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học theo hướng tạo thuận lợi cho công nghiệp, nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật nhu cầu của doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh liên quan đến đất đai, đến môi trường. Hướng dẫn tận tình, trả lời thỏa đáng cho thương nhân đối với các trường hợp chưa đúng, chưa đạt....

g) Ngân hàng Nhà nước tỉnh:

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn đã ban hành; tạo cơ chế thông thoáng về hồ sơ, thủ tục vay vốn để người dân có điều kiện đầu tư phát triển sản xuất; tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất hợp lý, giúp thương nhân huy động tối đa mọi nguồn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

hàng phục vụ phát triển các chương trình nông nghiệp trọng điểm của tỉnh; tín dụng phục vụ xây dựng nông thôn mới.

h) Liên minh Hợp tác xã tỉnh:

- Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát triển hệ thống hợp tác xã. Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã; nâng cao hiệu quả hoạt động, đa dạng ngành nghề sản xuất, kinh doanh cho các hợp tác xã.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã có nhu cầu được vay vốn từ Quỹ trợ vốn hợp tác xã, công khai tiêu chí, điều kiện, thủ tục vay, giải quyết nhanh, kịp thời nhu cầu của các hợp tác xã.

- Tích cực hỗ trợ các hợp tác xã trong triển khai chuỗi liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm theo phương án đã được duyệt, hướng dẫn các hợp tác xã hoạt động đúng pháp luật.

i) Hội Nông dân tỉnh:

Tăng cường vai trò là cầu nối giữa chính quyền và nông dân, phối hợp vận động tham gia chuỗi liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, hỗ trợ nông dân tiếp cận với các tiến bộ khoa học-kỹ thuật, tuân thủ các quy định và quy trình kỹ thuật trong sản xuất; hỗ trợ tiếp cận vay vốn sản xuất....

k) Các địa phương, sở, ngành khác:

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện Đề án; tham mưu cho UBND tỉnh về những vấn đề thuộc trách nhiệm của địa phương, của ngành mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Đề án có hiệu quả.

- Để đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian tới, các sở, ngành, địa phương một mặt, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tập trung triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo văn bản pháp quy đã ban hành, các chương trình, đề án....đã được phê duyệt. Ngoài các chính sách hỗ trợ về nguồn vốn, khoa học công nghệ, phát triển thị trường, đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết việc làm....cần tập trung cho công tác cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến các ngành Thuế, Hải quan, Tài nguyên-Môi

trường, Xây dựng, Phòng cháy-Chữa cháy.... nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, cắt giảm chi phí, nắm bắt kịp các cơ hội và nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, năng lực cạnh tranh sản phẩm. Một mặt, tiếp tục rà soát, nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh ban hành các chính sách, chương trình, Đề án mới trên cơ sở phù hợp với chủ trương, chính sách của trung ương, phù hợp với kỳ triển khai Đề án, đặc biệt là từ năm 2016 trở đi.

1) Các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội các cấp, các hiệp, hội ngành hàng

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, người dân chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước trong quá trình tổ chức sản xuất, kinh doanh nhằm từng bước xây dựng, củng cố thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp, nâng cao uy tín hàng hóa của Đồng Nai ở thị trường trong và ngoài nước. Từng tổ chức, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân trong việc tiếp cận thông tin, nắm bắt chính sách, tuyển dụng, nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, người dân, hội viên ...góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập.

2. Giao Sở Công Thương Đồng Nai chủ trì theo dõi việc triển khai thực hiện của các sở, ngành, địa phương...Định kỳ trước 31 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Đề án gửi UBND tỉnh trên cơ sở báo cáo của các đơn vị liên quan; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh